TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v tranh chấp: *"ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và bà Phạm Thị Thùy Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, các tài liệu có tại hồ hơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2008 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân quá trình sống chung, chị T và anh Đ thường xuyên cãi nhau do không cùng chung quan điểm, không hợp tính tình, có lúc anh Đ còn đánh chị T. Anh Đ nghi ngờ chị T ngoại tình với người đàn ông khác, chị T giải thích thì anh Đ không nghe mà có thái độ hằn học dẫn đến việc vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn tình cảm

như trước, anh Đ đã chuyển ra ở riêng từ tháng 7/2021. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Cảm thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị T xin được ly hôn với anh Đ

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/8/2008 và Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 28/5/2013; hiện cháu L do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu A do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và thống nhất giao cháu L cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng; chị T và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa**:** Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 28/5/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/8/2008 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện anh Nguyễn Xuân Đ trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/01/2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị T và anh Đ đã không còn sống chung từ tháng 7/2021 đến nay, chị T xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị T kiên quyết ly hôn với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/8/2008 và Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 28/5/2013; cháu A do chị T đang nuôi dưỡng, cháu L do anh Đ nuôi dưỡng. Ly hôn chị T đồng ý giao cháu L cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, còn cháu A do chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, cháu L đã có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với anh Đ, cháu A có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho các cháu, cần tiếp tục giao cháu L cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xét. Anh Đ không có lời trình bày cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/8/2008 cho anh Nguyễn Xuân Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đỗ Bảo A, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003825 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.